

ĐỀ THI HỌC KÌ 2 LỚP 7 MÔN SINH HỌC HAY

1/ Nêu những đặc điểm cấu tạo ngoài của ếch thích nghi với đời sống ở nước và thích nghi với đời sống ở cạn?

1. Đặc điểm cấu tạo ngoài của ếch thích nghi với đời sống ở nước:

- Đầu dẹp, nhọn, khớp với thân thành 1 khối thuôn nhọn về phía trước → giảm sức cản của nước khi bơi.
- Da trần phủ chất nhầy và ẩm dễ thấm khí → giúp hô hấp trong nước.
- Các chi sau có màng bơi căng giữa các ngón → tạo thành chân bơi để đẩy nước.

2. Đặc điểm cấu tạo ngoài của ếch thích nghi với đời sống ở cạn:

- Mắt và lỗ mũi ở vị trí cao trên đầu (mũi ếch thông với khoang miệng và phổi vừa để ngửi vừa để thở) → dễ quan sát.
- Mắt có mi giữ nước mắt do tuyến lệ tiết ra, tai có màng nhĩ → bảo vệ mắt, giữ mắt khỏi bị khô, nhận biết âm thanh trên cạn.
- Chi 5 phần có ngón chia đốt linh hoạt → thuận lợi cho việc di chuyển.

2/ Trình bày đặc điểm chung của Lưỡng cư.

Là động vật có xương sống thích nghi với đời sống vừa ở nước vừa ở cạn:

- Da trần, ẩm ướt. Di chuyển bằng 4 chi.
- Sinh sản trong môi trường nước, thụ tinh ngoài.
- Hô hấp bằng phổi và bằng da.
- Nòng nọc phát triển qua biến thái.
- Tim 3 ngăn, 2 vòng tuần hoàn, tâm thất chứa máu pha.
- Là động vật biến nhiệt.

3/ Nêu vai trò của Lưỡng cư đối với con người.

- Có ích cho nông nghiệp: tiêu diệt sâu bọ phá hại mùa màng, tiêu diệt sinh vật trung gian gây bệnh.
- Làm thuốc chữa bệnh: bột cóc, nhựa cóc.
- Có giá trị thực phẩm: ếch đồng.
- Là vật thí nghiệm trong sinh lý học: ếch đồng.

4/ Sự sinh sản và phát triển có biến thái ở ếch.

- Ếch trưởng thành, đến mùa sinh sản (cuối xuân, sau những trận mưa rào đầu hạ) ếch đực kêu gọi ếch cái để ghép đôi. Ếch cái công ếch đực trên lưng, ếch đực ôm ngang ếch cái và tìm đến bờ nước để đẻ.

- Éch cái đẻ đến đâu, éch đục ngòi trên tưới tinh đến đó. Sự thụ tinh xảy ra bên ngoài cơ thể nên được gọi là thụ tinh ngoài. Trứng tập trung thành từng đám trong chất nhày nổi trên mặt nước, trứng phát triển, nở thành nòng nọc. Trải qua quá trình biến đổi phức tạp qua nhiều giai đoạn để trở thành éch con.

5/ Đặc điểm cấu tạo ngoài của thằn lằn thích với đời sống hoàn toàn ở cạn so với éch đồng:

- Da khô, có vảy sừng bao bọc.
- Có cổ dài.
- Mắt có mi cử động, có nước mắt.
- Màng nhĩ nằm trong 1 hốc nhỏ bên đầu.
- Thân dài, đuôi rất dài.
- Bàn chân có 5 ngón có vuốt.

6/ So sánh bộ xương thằn lằn với bộ xương éch:

- Giống: đều có xương đầu, cột sống, chi
- Khác: - Éch: 1 đốt sống cổ, đầu và thân gắn liền, không có xương sườn
- Thằn lằn: 3 đốt sống cổ, có xương sườn

7/ So sánh cấu tạo các cơ quan tim, phổi, thận của thằn lằn & éch:

| | Thằn lằn | Éch |
|-----------|---|---|
| Hô hấp | Bằng phổi, phổi có nhiều ngăn. Có cơ liên sườn tham gia vào quá trình trao đổi khí | Phổi đơn giản, ít vách ngăn nên chủ yếu hh = da |
| Tuần hoàn | Tim 3 ngăn, tâm thất có vách hụt, máu ít pha trộn | Tim 3 ngăn, máu pha trộn nhiều |
| Bài tiết | Thận sau, xoang huyết, có kn hấp thụ lại nước | Thận giữa, bóng đái lớn |

8/ Đặc điểm sinh sản của chim bồ câu

- Thụ tinh trong, trứng có vỏ đá vôi và có nhiều noãn hoàng.
- Có h/tượng ấp trứng.
- Nuôi con = sữa diều của cả bố và mẹ.

9/ Đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay:

- Thân hình thoi → giảm sức cản không khí khi bay.
- Chi trước trở thành cánh chim → quạt gió.
- Chi sau có 3 ngón trước, 1 ngón sau, có vuốt → bám chặt vào cành cây hoặc giúp chim khi hạ cánh
- Lông ống: có các sợi lông làm thành phiến mỏng → làm cho cánh dang ra, tạo nên 1 dtích rộng quạt gió
- Lông tơ có các sợi lông mảnh làm thành chùm lông xốp → giữ nhiệt và làm cho cơ thể nhẹ.
- Mỏ sừng bao lấy hàm k có răng → làm đầu chim nhẹ
- Cổ dài khớp đầu vs thân → phát huy tác dụng của giác quan, thuận lợi khi bắt mồi, rỉa lông.

10/ So sánh kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay lượn

| Các động tác bay | Kiểu bay vỗ cánh | Kiểu bay lượn |
|--|------------------|---------------|
| Cánh đập liên tục | x | |
| Cánh đập chậm rãi và k liên tục | | x |
| Cánh dang rộng mà k đập | | x |
| Bay chủ yếu dựa vào sự nâng đỡ của k khí và hướng thay đổi của các luồng gió | | x |
| Bay chủ yếu dựa vào động tác vỗ cánh | x | |

11/ So sánh cấu tạo trong của chim bồ câu với thằn lằn:

| Các hệ cơ quan | Chim bồ câu | Thằn lằn |
|----------------|---|--|
| Tuần hoàn | Tim 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn, máu k pha trộn. Giữa TT & TN có van giữ cho máu chỉ chảy theo 1 chiều | Tim 3 ngăn, 2 TN & 1 TT, TT có vách hụt. Máu ít pha trộn |
| Tiêu hoá | Hoàn chỉnh nên tốc độ tiêu hoá cao, thích nghi vs đời sống | Đã phân hoá |
| Hô hấp | Có hệ thống túi khí thích nghi vs đời | Phổi có nhiều vách ngăn và mao mạch |

| | | |
|----------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| | sông bay | bao quanh |
| Bài tiết | Thân sau, k có bóng đái -> cơ thể nhẹ | Thận sau |
| Sinh sản | Thụ tinh trong, đẻ và ấp trứng | Thụ tinh trong, trứng đc pt trực tiếp |

12/ Cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi vs đk sống

| | | |
|----------------|---|---|
| Bộ phận cơ thể | Đặc điểm cấu tạo ngoài | Sự thích nghi vs đời sống và lẩn tránh kẻ thù |
| Bộ lông | Bộ lông mao dày, xốp | Che chở, giữ nhiệt tốt. |
| Chi (có vuốt) | Chi trước ngắn | Đào hang và di chuyển. |
| | Chi sau dài, khoẻ | Bật nhảy xa và chạy nhanh. |
| Giác quan | Mũi thính và lông xúc giác nhạy bén | Thăm dò thức ăn, phát hiện kẻ thù. |
| | Tai thính, vành tai dài lớn, cử động được theo các phía | Định hướng thức ăn, phát hiện kẻ thù. |

13/ Ưu điểm của sự thai sinh: Thai sinh k lệ thuộc vào lượng noãn hoàng có trong trứng

Phôi được phát triển trong bụng mẹ an toàn và điều kiện sống thích hợp.

Con non được nuôi bằng sữa mẹ, không lệ thuộc vào thức ăn tự nhiên.

14/ Đặc điểm cấu tạo của các hệ tuần hoàn, hô hấp, thần kinh của thỏ thể hiện sự hoàn thiện so với các lớp động vật có xương sống đã học.

- Tuần hoàn: Tim 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn, máu đỏ tươi đi nuôi cơ thể.
- Hô hấp: ở phổi có nhiều túi phổi. đặc biệt có xuất hiện cơ hoành và cơ liên sườn tham gia vào quá trình hô hấp.
- Thần kinh: Não phát triển, bán cầu não và tiểu não lớn.

15/ Phân biệt các nhóm thú bằng đặc điểm sinh sản và tập tính bú sữa:

- Nhóm Thú đẻ trứng (Bộ thú huyết): con sơ sinh hấp thụ sữa trên lông mẹ, uống nước hòa tan sữa mẹ.
- Nhóm Thú đẻ con:
 - + Bộ thú túi: con sơ sinh rất nhỏ được nuôi trong túi da ở bụng thú mẹ, bú thụ động.
 - + Các bộ thú còn lại: đẻ con, Con sơ sinh phát triển bình thường, bú chủ động.

16/ So sánh đặc điểm cấu tạo và tập tính của thú mỏ vịt và kanguru thích nghi với đời sống:

- Thú mỏ vịt vừa ở nước ngọt vừa ở cạn, chi có màng bơi, đẻ trứng, thú mẹ có tuyến sữa nhưng chưa có vú, thú con liếm sữa do thú mẹ tiết ra (bám trên lông mẹ hoặc uống sữa hòa lẫn trong nước)
- Kanguru sống ở đồng cỏ, chi sau lớn, khỏe, đuôi to dài, đẻ con có vú, con sơ sinh rất nhỏ được nuôi trong túi da ở bụng thú mẹ, bú mẹ thụ động

17/ Đặc điểm cấu tạo của dơi thích nghi vs đời sống bay

- Chi trước biến đổi thành cánh da. cánh da là 1 màng da rộng phủ lông mao thưa, mềm mại nối liền cánh tay, ống tay, các xương bàn tay và các xương ngón vs mình, chi sau và đuôi.
- Có màng cánh rộng, thân ngắn và hẹp nên có cách bay thoăn thoắt, thay hướng đổi chiều linh hoạt
- Chân yếu có tư thế bám vào cành cây treo ngược cơ thể

18/ Đặc điểm cấu tạo của cá voi thích nghi vs đời sống trg nước:

- Cơ thể hình thoi
- Cổ rất ngắn
- Lớp mỡ dưới da rất dày.
- Chi trước biến đổi thành chi bơi, có dạng bơi chèo
- Vây đuôi nằm ngang, bơi bằng cách uốn mình theo chiều dọc

19/ Phân biệt 3 bộ thú: ăn sâu bọ, gặm nhấm, ăn thịt dựa vào bộ răng:

- Ăn sâu bọ: các răng đều nhọn
- Gặm nhấm: thiếu răng nanh, răng cửa lớn, sắc vạt cách răng hàm bởi khoảng trống hàm.
- Ăn thịt: răng cửa ngắn, sắc để róc xương, răng nanh lớn, dài, nhọn để xé mồi, răng hàm có nhiều máu đỏ sắc để cắt nghiền mồi.

20/ Đặc điểm cấu tạo của chột chũi thích nghi với đời sống đào hang trong đất:

- Chi trước ngắn, bàn tay rộng và ngón tay to khỏe.

21/ Đặc điểm đặc trưng của thú móng guốc: có số lượng ngón chân tiêu giảm, đốt cuối mỗi ngón có sừng bao bọc, gọi là guốc. Chân cao, trục ống chân, cổ chân, bàn và ngón chân gần như thẳng hàng và chỉ có những đốt cuối của ngón chân có guốc bọc mới chạm đất, nên diện tích tiếp xúc đất hẹp.

- Phân biệt thú guốc chẵn và thú guốc lẻ:

Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-sinh.html>

- Bộ guốc chẵn: gồm thú móng guốc có 2 ngón chân giữa phát triển bằng nhau, đa số sống đàn, có loài ăn tạp (lợn), ăn thực vật, nhiều loài nhai lại. đại diện: lợn, bò, hươu
- Bộ guốc lẻ: gồm thú móng guốc có 1 hoặc 3 ngón chân giữa phát triển hơn cả, ăn thực vật không nhai lại, không có sừng, sống đàn (ngựa), có sừng, sống đơn độc (tê giác có 3 ngón).

22/ Lợi ích của sự hoàn chỉnh cơ quan di chuyển trong quá trình pt của giới đv: tạo điều kiện cho động vật có nhiều hình thức di chuyển khác nhau, di chuyển đa dạng thích nghi vs điều kiện sống.

23/ Sự tiến hoá 1 số cơ quan

- Hệ hô hấp: chưa phân hóa → qua da → mang đơn giản → phổi và da → phổi.
- Hệ tuần hoàn: chưa có tim ⇒ tim chưa có ngăn ⇒ tim có hai ngăn ⇒ 3 ngăn ⇒ 4 ngăn.
- Hệ thần kinh: chưa phân hóa → thần kinh mạng lưới → chuỗi hạch → chuỗi hạch phân hóa → hình ống phân hóa não, tủy
- Hệ sinh dục: chưa phân hóa → tuyến sinh dục không có ống dẫn → tuyến sinh dục có ống dẫn

24/ Các hình thức sinh sản ở động vật:

- Sinh sản vô tính: là hthức sinh sản không có tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái kết hợp vs nhau. có 2 hthức chính: sự phân đôi cơ thể và mọc chồi.
- Sinh sản hữu tính: là hình thức thức sinh sản có ưu thế hơn hthức sinh sản vô tính. Trong ss htính có sự k/hợp giữa tế bào sinh dục đực (tinh trùng) và tb sinh dục cái (trứng). trứng thụ tinh se pt thành phôi. trứng thụ tinh ngoài cơ thể mẹ gọi là tt ngoài, trứng đc thụ tinh trg cơ thể mẹ gọi là tt trg.

25/ Ý nghĩa và tác dụng của cây phát sinh giới động vật:

- Ý nghĩa: Là 1 sơ đồ hình cây phát ra những nhánh từ 1 gốc chung. các nhánh ấy lại phát ra những nhánh nhỏ hơn và tận cùng bằng 1 nhóm động vật. Kích thước của các nhánh trên cây phát sinh càng lớn bao nhiêu thì số loài của nhánh đó càng nhiều bấy nhiêu. Các nhóm có cùng nguồn gốc có vị trí gần nhau thì có quan hệ họ hàng gần với nhau hơn.
- Tác dụng: Qua cây phát sinh thấy được mức độ quan hệ họ hàng của các nhóm động vật với nhau, thậm chí còn so sánh được nhánh nào có nhiều hoặc ít loài hơn nhánh khác.

26/ Khí hậu đới lạnh và đới nóng có ảnh hưởng đến số lượng loài: chỉ có rất ít những những loài có khả năng chịu đựng được băng giá hoặc khí hậu rất khô và nóng nhờ có các sự thích nghi đặc trưng. Vì vậy nên ở đây, sự đa dạng sinh học thấp, số lượng loài ít.

27/ đặc điểm thích nghi về cấu tạo và tập tính

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-sinh-lop-7.html>

Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-sinh.html>

| Những đặc điểm thích nghi | | Giải thích | Những đặc điểm thích nghi | | Giải thích |
|---------------------------|---|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|---|
| Cấu tạo | Bộ lông dày | Giữ nhiệt cơ thể, dự trữ NL chống rét | Cấu tạo | Chân dài | Cơ thể nâng cao so vs cát nóng, bc' nhảy xa |
| | Mỡ dưới da dày | Nt | | Chân cao, móng rộng, đệm thịt dày | K bị lún trong cát. Chống nóng |
| | Lông màu trắng (mùa Đông) | Đễ lẫn vs tuyết, che mắt kẻ thù | | Bướu mớ lạc đà | Mỡ chuyển đổi thành nước cho hđ của cơ thể |
| | | | Màu lông nhạt giống màu cát | K bắt nắng. dễ lẫn trốn kẻ thù | |
| Tập tính | ngủ trong mùa đông hoặc di cư tránh rét | tiết kiệm NL | Tập tính | mỗi bc nhảy cao & xa | Hạn chế tiếp xúc với cát nóng |
| | | | | Di chuyển bằng cách quăng thân | Nêu t |
| | | | | HĐ vào ban đêm | Tránh nóng ban ngày |
| | hoạt động về ban ngày trg mùa hạ | Có kh ẩm áp, dễ kiếm thức ăn | | k/năng đi xa | Tìm nước |
| | | | | k/năng nhịn khát | sống trg môi trường khô |
| | | | | Chui rúc vào sâu trg cát | chống nóng |

28/ Lợi ích của đa dạng sinh học:

- Cung cấp thực phẩm, sức kéo, dược liệu, sản phẩm công nghiệp (da, lông, sáp ong, cánh kiến...), nông nghiệp (thức ăn gia súc, phân bón).
- Tiêu diệt các loài sinh vật có hại.
- có giá trị văn hoá (cá cảnh, chim cảnh).
- Là giống vật nuôi (gia cầm, gia súc và các giống vật nuôi khác).

⇒ Có vai trò quyết định tới sự phát triển bền vững của đất nước.

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-sinh-lop-7.html>

29/ Bảo vệ đa dạng sinh học:

- Cấm đốt phá, khai thác rừng bừa bãi.
- Cấm săn bắt động vật trái phép.
- Đẩy mạnh các biện pháp chống ô nhiễm môi trường.

30/ Các biện pháp đấu tranh sinh học:

- Sử dụng thiên địch trực tiếp tiêu diệt sinh vật gây hại.
- Sử dụng thiên địch đẻ trứng kí sinh vào sinh vật gây hại hay trứng sâu hại.
- Sử dụng vi khuẩn gây bệnh truyền nhiễm diệt sinh vật gây hại.

31/ Thế nào là biện pháp đấu tranh sinh học? Kể tên các biện pháp đấu tranh sinh học. Cho ví dụ. Nêu ưu điểm và hạn chế của các biện pháp đấu tranh sinh học.

* Khái niệm: Là biện pháp sử dụng sinh vật hoặc sản phẩm của chúng nhằm ngăn chặn hoặc giảm bớt thiệt hại do các sinh vật hại gây ra.

* Có 3 biện pháp đấu tranh sinh học:

- + Sử dụng thiên địch: - Sử dụng thiên địch tiêu diệt sinh vật gây hại. VD: cá ăn bọ gậy và ăn ấu trùng sâu bọ
- Sử dụng thiên địch đẻ trứng kí sinh vào sinh vật gây hại hay trứng của sâu hại. VD: Ong mắt đỏ đẻ trứng nên trứng sâu xám ấu trùng nở ra đục và ăn trứng sâu xám.
- + Sử dụng vi khuẩn gây bệnh truyền nhiễm cho sinh vật gây hại. VD: Dùng vi khuẩn Myoma gây bệnh cho thỏ
- + Gây vô sinh diệt động vật gây hại. VD: Để diệt loài ruồi gây loét da ở bò, người ta đã làm tuyệt sản ruồi đục

* Ưu điểm và hạn chế của biện pháp đấu tranh sinh học:

- + Ưu điểm:- Tiêu diệt nhiều sinh vật gây hại.
- Tránh ô nhiễm môi trường
- + Hạn chế: - Chỉ có hiệu quả ở ni có khí hậu ổn định
- Thiên địch không diệt được triệt để sinh vật gây hại
- Sự tiêu diệt loài sinh vật có hại này lại tạo điều kiện cho loài sinh vật khác phát triển

32/ Thế nào là động vật quý hiếm? Kể tên các cấp độ tuyệt chủng động vật quý hiếm? Cần bảo vệ động vật quý hiếm như thế nào?

* Khái niệm: Là những động vật có giá trị về nhiều mặt(thực phẩm, dược liệu, mỹ nghệ, nguyên liệu công nghệ, làm cảnh, khoa học, xuất khẩu,...) và có số lượng giảm sút.

Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-sinh.html>

* Các cấp độ tuyệt chủng:

- Rất nguy cấp: ốc xà cừ, hươu xạ
- Nguy cấp: tôm hùm đá, rùa núi vàng
- Ít nguy cấp: gà lôi trắng, khỉ vàng
- Sẽ nguy cấp: cà cuống, cá ngựa gai

* Bảo vệ:

- Bảo vệ môi trường sống của chúng
- Chăm nuôi, chăm sóc đầy đủ
- Cấm săn bắt, buôn bán, giữ trái phép
- Xây dựng khu dự trữ thiên nhiên

33/ Nêu lợi ích của đa dạng sinh học? Nguyên nhân suy giảm và biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

* Lợi ích của đa dạng sinh học:

- Cung cấp thực phẩm → nguồn dinh dưỡng chủ yếu của con người
- Trong nông nghiệp: cung cấp phân bón, sức kéo
- Dược phẩm: 1 số bộ phận của động vật làm thuốc có giá trị
- Trong chăn nuôi: làm giống, thức ăn gia súc
- Làm cảnh, đồ mỹ nghệ, giá trị xuất khẩu

* Nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học:

- Đốt rừng, làm nương, săn bắn bừa bãi
- Khai thác gỗ, lâm sản bừa bãi, lấy đất nuôi thủy sản, du canh, du cư
- Ô nhiễm môi trường

* Bảo vệ đa dạng sinh học:

- Nghiêm cấm khai thác rừng bừa bãi
- Thuần hóa, lai tạo giống để tăng độ đa dạng sinh học và độ đa dạng về loài

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-sinh-lop-7.html>